

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2017/HSST
Ngày 24 tháng 11 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thành Công

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Trung văn

2. Ông Nguyễn Trung Thành

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2017/HSST ngày 31 tháng 10 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: HVG, sinh ngày 07/06/1996.

Nơi cư trú: thôn BC, xã BB, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 12/12; bố đẻ: HVD, sinh năm 1974, mẹ đẻ: LTC, sinh năm 1973; vợ, con: chưa có.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2017 đến ngày 16/10/2017 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: HVD, sinh ngày 20/2/1988.

Nơi cư trú: thôn HC, xã BB, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 09/12; bố đẻ: HVL, sinh năm 1958; mẹ đẻ: NTH, sinh năm 1960; có vợ là VTT, sinh năm 1993; có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2017 đến ngày 16/10/2017 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: VDL, sinh ngày 27/7/1993.

Nơi cư trú: thôn YT, xã BB, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 12/12; bố đẻ: VVB, sinh năm 1960; mẹ đẻ: HTĐ, sinh năm 1966; vợ, con: chưa có.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2017 đến ngày 12/10/2017 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Các bị cáo HVG, HVĐ và VDL bị Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 13h00 ngày 12/9/2017, VDL sinh năm 1993 ở thôn YT, xã BB và HVĐ, sinh năm 1988 ở thôn HC, xã BB đi đến nhà HVG, sinh năm 1996 ở thôn BC, xã BB chơi. Tại đây G trả cho Đ số tiền 1.000.000đ mà trước đó có nợ Đ, sau đó G rủ L và Đ đánh bạc bằng hình thức chơi phỏm ăn tiền, L và Đ đồng ý. G lấy 01 chiếu cói và 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân (từ 2 đến A) có sẵn ở nhà ra, G chải chiếu xuống nền nhà ở tại phòng ngủ của gia đình rồi cùng với L và Đ ngồi đánh bạc. Các đối tượng dùng 52 quân bài từ 2 đến A (Át), mỗi ván bài người chơi được chia 09 quân bài, riêng người đánh bài đầu tiên nhất (tẩy bài cho dưới cánh) thì được chia 10 quân và tiếp đến lần lượt theo vòng cho người chơi ở dưới cánh, người dưới cánh có thể ăn quân bài do người trên cánh đánh hoặc chọn bốc bài ở trong lọc (số quân bài còn lại chưa chia) để ghép thành phỏm theo quân bài cùng loại, hoặc các quân bài theo hàng dọc liền nhau cùng chất (Rô, Cơ, Tép, Bích), lần lượt quay vòng mỗi người chơi đánh đủ 04 quân bài dưới cánh thì hạ bài, ai không có phỏm thì gọi là “cháy”, ai có 03 phỏm hoặc ghép phỏm dài hết 09 quân bài thì được ‘ù’, khi xuống bài ai có số điểm thấp nhất là ‘thắng’ ván bài đó và được tính lần lượt ‘nhất, nhì, ba’, mỗi ván chơi người thua phải trả cho người thắng theo mức tiền: ‘Nhì’ 20.000đ; ‘ba (bét)’ 30.000đ; ‘cháy’ 50.000đ và ‘ù’ 50.000đ, các đối tượng không phải nộp tiền (tiền hồ) cho G để được đánh bạc. G là người chia ván bài đầu tiên, tiếp sau lần lượt

là những người chơi khác ‘thắng’ chia bài. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 14h30 cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện N phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: Thu tại chiếu bạc số tiền 2.350.000đ, 52 quân bài Tú lơ khơ từ 2 đến A và 01 chiếu cói cũ; thu trên người VĐL số tiền 1.900.000đ và 01 điện thoại đi động Nokia cũ màu đen; thu trên người HVG số tiền 2.300.000đ (trong đó có 1.300.000đ để tại túi quần và 1.000.000đ để trong ví giả da) và 01 điện thoại đi động Nokia cũ màu đen; thu trên người HVG 01 điện thoại OPPO cũ.

Quá trình điều tra làm rõ khi vào đánh bạc: L có 1.900.000đ; Đ có 3.000.000đ; G có 1.650.000đ. L và G dùng toàn bộ số tiền mình có để đánh bạc, Đ dùng số tiền 2.000.000đ để đánh bạc, còn số tiền 1.000.000đ để trong ví giả da (do trước đó G trả nợ) không dùng đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào đánh bạc là 5.550.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 67/KSĐT-TA ngày 30 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố: HVG, HVGĐ và VĐL về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo: G từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách gấp đôi; Đ từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; L từ 05 tháng đến 07 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung các bị cáo từ 3 triệu đến 4 triệu đồng sung quỹ nhà nước. Không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Đ và L. Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo HVG, HVGĐ và VĐL khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo thừa nhận khoảng 13 giờ ngày 12/09/2017 đã thực hiện hành vi đánh bạc tại nhà riêng của HVG, thôn BC, xã BB, số tiền dùng vào đánh bạc là 5.550.000đ.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của các bị cáo, lời khai của người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ

kết luận các bị cáo HVG, HVĐ và VDL phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Điều luật quy định “Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng ..., thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đánh bạc ăn tiền trái phép giữa ban ngày với nhiều người tham gia. Các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân. Vì vậy, phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe giáo dục, phòng ngừa chung.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử đã cân nhắc, xem xét đến tính chất cũng như mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy rằng:

Bị cáo HVG là chủ nhà, là người khởi xướng việc đánh bạc, nhưng sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, đây là tình tiết được xem xét khi lượng hình đối với bị cáo. Bị cáo tuổi đời còn trẻ, chưa có vợ con, lần đầu vi phạm pháp luật, số tiền dùng để đánh bạc ít, nên cần phạt bị cáo một mức án tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định một thời gian thử thách nhất định, cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo HVĐ là người tích cực tham gia đánh bạc, nhưng sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Mặc dù bị cáo đã từng bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản, nhưng đến ngày phạm tội đã được xóa án tích và coi như chưa bị kết án. Bị cáo là người còn trẻ, có vợ và 02 con nhỏ, là lao động chính nuôi sống gia đình, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, lần đầu thực hiện hành vi đánh bạc, số tiền dùng để đánh bạc và số tiền thu được tại chiều bạc ít, tính chất của việc thực hiện hành vi phạm tội đơn giản. Do vậy, chỉ cần phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ

cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của Đảng và nhà nước ta.

Bị cáo VĐL giữ vai trò thứ yếu trong vụ án, số lượng tiền dùng vào việc đánh bạc ít. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, đây là tình tiết được xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo. Do vậy, chỉ cần phạt các bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của Đảng và nhà nước ta.

Hiện nay các bị cáo Đ, L không có công việc có thu nhập ổn định, thu nhập chủ yếu phát sinh từ sản xuất nông nghiệp, kinh tế khó khăn nên không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng”. Cần phạt sung quỹ nhà nước đối với các bị cáo G và Đ mỗi bị cáo 4.000.000đ; bị cáo L 3.000.000đ.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

Số tiền 5.550.000đ các bị cáo dùng để đánh bạc, đây là công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Bộ bài tú lơ khơ 52 quân, ký hiệu từ 2 đến A và 01 chiếc chiếu cói cũ là công cụ, phương tiện phạm tội nhưng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Chiếc điện thoại Oppo thu giữ của G, chiếc điện thoại Nokia màu đen có số Imel 357160662084125 thu giữ của L, chiếc điện thoại Nokia màu đen có số Imel 355738064585090 thu giữ của Đ không liên quan đến tội phạm nên cần tuyên trả cho các bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Số tiền 1.000.000đ thu giữ bên trong ví của HVD, do Đ không sử dụng số tiền này để đánh bạc nên không liên quan đến tội phạm, cần tuyên trả cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Các bị cáo G, Đ, L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo HVG, HVD, VĐL phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1 +2 Điều 60 Bộ luật hình sự đối với bị cáo G.

Xử phạt: HVG 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ.

Xử phạt: HVĐ 09 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giam từ 12/9/2017 đến 16/10/2017 quy đổi là 03 tháng 15 ngày, thời gian còn lại phải chấp hành là 05 tháng 15 ngày, thời hạn tính từ ngày giao quyết định thi hành án cho UBND xã nơi quản lý giáo dục bị cáo.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự đối với bị cáo L.

Xử phạt: VDL 07 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giam từ 12/9/2017 đến 12/10/2017 quy đổi là 03 tháng 03 ngày, thời gian còn lại phải chấp hành là 03 tháng 27 ngày, thời hạn tính từ ngày giao quyết định thi hành án cho UBND xã nơi quản lý giáo dục bị cáo.

Không khấu trừ thu nhập của các bị cáo Đ, L.

Giao các bị cáo G, Đ, L cho UBND xã BB, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục.

Trong trường hợp các bị cáo có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt các bị cáo HVG, HVĐ mỗi bị cáo 4.000.000đ; bị cáo VDL 3.000.000đ sung công quỹ nhà nước.

Áp dụng: khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự. Điều 76, Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về biện xử lý vật chứng:

Tịch thu sung quỹ nhà nước Số tiền 5.550.000đ các bị cáo dùng để đánh bạc; tịch thu tiêu hủy bộ bài tú lơ khơ có quân, ký hiệu từ 2 đến A và 01 chiếu cói cũ.

Trả lại cho HVG 01 điện thoại Oppo; trả lại cho VDL 01 chiếc điện thoại Nokia màu đen có số Imel 357160662084125; trả lại cho HVĐ 01 chiếc điện thoại Nokia màu đen có số Imel 355738064585090 và số tiền 1.000.000đ (nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án, tất cả có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

Về án phí: Các bị cáo HVG, HVĐ, VDL mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND N
- THADS N
- Công an N
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc
- UBND xã BB
- Bị cáo, NCQLNVLQ
- Lưu HS+Vp

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thành Công